

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 7/TT-NH7

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 1994

THÔNG TƯ
CỦA THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Hướng dẫn việc quản lý vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp

Căn cứ vào Điều 2 bản Quy chế Quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 58-CP ngày 30-8-1993 của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc quản lý vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp như sau.

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Ngân hàng Nhà nước là cơ quan quản lý Nhà nước về vay, trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, kể cả việc vay vốn nước ngoài của các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp được trực tiếp vay nước ngoài hoặc vay lại từ nguồn vay nợ nước ngoài của Chính phủ hoặc của Ngân hàng Nhà nước theo phương thức tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ.

Vay trực tiếp: Doanh nghiệp trực tiếp vay và trả nợ nước ngoài.

Vay lại: Doanh nghiệp vay Ngân hàng trong nước từ nguồn vốn Chính phủ hoặc của Ngân hàng Nhà nước vay nước ngoài.

3. Ngân hàng Nhà nước quản lý việc vay, trả nợ nước ngoài thông qua kế hoạch tổng hạn mức vay và trả nợ nước ngoài hàng năm và 5 năm được Thủ tướng Chính phủ duyệt.

4. Ngân hàng Nhà nước tổng hợp và lập tổng hạn mức vay, trả nợ nước ngoài trên cơ sở:

Nhu cầu vốn và khả năng trả nợ của Ngân sách Nhà nước liên quan đến phân vay và trả nợ thương mại;

Nhu cầu vay vốn và khả năng trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp;

Tình hình cán cân thanh toán quốc tế;

Chính sách tiền tệ của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Việc lập kế hoạch vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5. Vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp chỉ được thực hiện qua các Ngân hàng được phép hoạt động đối ngoại (riêng các Ngân hàng Thương mại, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển đã được phép hoạt động đối ngoại thì được trực tiếp vay, trả nợ với nước ngoài). Các doanh nghiệp vay lại từ nguồn vốn Chính phủ hoặc Ngân hàng Nhà nước vay của nước ngoài được thực hiện qua các Ngân hàng Thương mại, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển do Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính chỉ định, sau đây gọi tắt là Ngân hàng cho vay.

6. Vay nước ngoài gồm:

Vay nước ngoài của Chính phủ (bao gồm các khoản vay bằng hàng hoá hoặc tiền);

Vay nước ngoài của doanh nghiệp (kể cả các tổ chức tín dụng), bằng hàng hoá hoặc bằng tiền theo hình thức tự vay tự trả;

Ngân hàng Nhà nước vay nước ngoài.

II. VAY VÀ TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP TỪ NGUỒN VỐN CHÍNH PHỦ

HOẶC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VAY NƯỚC NGOÀI

1. Doanh nghiệp được vay lại vốn của Chính phủ vay nước ngoài để thực hiện các dự án có yêu cầu hoàn vốn (bao gồm cả những dự án đầu tư cho hạ tầng cơ sở) đã được Chính phủ Việt Nam và phía nước ngoài thoả thuận. Điều kiện vay lại do Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng cho vay thoả thuận cụ thể.

Trường hợp khoản vay nước ngoài không phải trả lãi, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước thoả thuận mức lãi suất cụ thể.

2. Đối với nguồn vốn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vay nước ngoài thì Ngân hàng Nhà nước chọn Ngân hàng cho vay. Căn cứ vào các điều khoản và điều kiện đã ký với nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước thoả thuận với Ngân hàng cho vay về điều kiện cho doanh nghiệp vay

lại. Về nguyên tắc, các điều kiện cho vay lại như thời hạn, lãi suất phí, không ưu đãi hơn các điều kiện Ngân hàng Nhà nước vay của nước ngoài và không cao hơn các điều kiện vay trong nước.

3. Điều kiện để doanh nghiệp được vay lại (bao gồm vốn Chính phủ và vốn Ngân hàng Nhà nước vay nước ngoài):

a) Thuộc các dự án đầu tư: Công trình, hạng mục công trình, xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, đổi mới công nghệ thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

b) Dự án có khả năng hoàn vốn, bảo đảm nguồn vốn trả được nợ (cả gốc và lãi) trong thời hạn quy định.

c) Tình trạng tài chính của doanh nghiệp lành mạnh: không nợ thuế với ngân sách, không có nợ quá hạn với các đơn vị trong và ngoài nước.

d) Doanh nghiệp phải sử dụng vốn đúng mục tiêu, kế hoạch đã được duyệt và chịu sự giám sát của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng cho vay quy định và hướng dẫn cụ thể việc cho vay lại nói tại điều này.

4. Vay bằng ngoại tệ nào thì trả nợ bằng ngoại tệ đó, trường hợp trả bằng ngoại tệ khác hoặc bằng đồng Việt Nam thì phải được thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng như tỷ giá chuyển đổi và các điều kiện liên quan khác.

5. Ngân hàng cho vay có quyền quyết định cuối cùng về việc cho doanh nghiệp vay lại dựa trên cơ sở các điều kiện để doanh nghiệp được vay lại theo Điểm 3, phần II của Thông tư này. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, Ngân hàng cho vay có nhiệm vụ thông báo cho doanh nghiệp biết ý kiến của mình. Qua xem xét, nếu doanh nghiệp không đủ điều kiện theo quy định tại Điểm 3, phần II Thông tư này, Ngân hàng cho vay phải báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Tài chính (nếu vốn từ nguồn của Chính phủ vay) đồng thời thông báo cho cấp chủ quản của doanh nghiệp để các bên cùng phối hợp xem xét giải quyết. Đối với nguồn vốn vay lại của Ngân hàng Nhà nước thì Ngân hàng cho vay chỉ báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định.

6. Căn cứ vào lịch trả nợ của Hiệp định vay giữa phía Việt Nam với nước ngoài, Ngân hàng cho vay thoả thuận với doanh nghiệp quy định thời hạn trả nợ cụ thể, có tính đến thời gian chuyển tiền trong và ngoài nước để đảm bảo trả nợ đúng hạn cho nước ngoài.

7. Ngân hàng cho vay có trách nhiệm thu hồi vốn để trả nợ cho Ngân sách và Ngân hàng Nhà nước đầy đủ, đúng thời hạn quy định.

a) Trong quá trình theo dõi sử dụng vốn vay, nếu doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc trả nợ thì Ngân hàng cho vay cùng doanh nghiệp tìm biện pháp giải quyết. Trường hợp cần thiết, phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên của doanh nghiệp để phối hợp giải quyết.

b) Nếu doanh nghiệp không trả được nợ theo quy định của Hợp đồng vay vốn thì Ngân hàng cho vay phải dùng vốn của mình để trả nợ cho Ngân sách, Ngân hàng Nhà nước. Riêng đối với các khoản vay Chính phủ cho các dự án được Chính phủ chỉ định có mức lãi suất cao xấp xỉ lãi suất thị trường mà khả năng hoàn vốn của dự án thấp thì được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính.

8. Hàng tháng chậm nhất không quá ngày 10, các Chủ dự án có sử dụng vốn vay lại thông qua Ngân hàng cho vay nào thì báo cáo tình hình rút vốn và trả nợ của tháng trước theo hướng dẫn của Ngân hàng cho vay đó.

9. Hàng quý, năm, Ngân hàng cho vay tổng hợp báo cáo gửi Ngân hàng cho vay cấp trên, đồng thời gửi Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố thuộc địa bàn của doanh nghiệp để biết và theo dõi, quản lý.

10. Hàng quý, năm, Tổng Giám đốc các Ngân hàng Thương mại, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kết quả thực hiện, kim ngạch thực tế đã vay và trả nợ của từng doanh nghiệp. Thời hạn gửi báo cáo quy định như sau:

Báo cáo Quý: Chậm nhất trong vòng 10 ngày đầu của tháng đầu quý sau;

Báo cáo năm: Chậm nhất đến ngày 15 tháng 1 của năm sau.

III. DOANH NGHIỆP TRỰC TIẾP VAY NƯỚC NGOÀI

1. Việc thực hiện các khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp quốc doanh cho đầu tư xây dựng cơ bản phải có đủ các điều kiện sau:

a) Khoản vay nằm trong tổng hạn mức vay vốn nước ngoài được duyệt.